

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025)
LỚP K16A-D2A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht :	5	5	5	3				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011007	Nguyễn Cao Việt	An	12/12/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
2	16011026	Ứng Hồng Minh	Anh	20/03/2002	7.4	8.0	7.4	8.2	7.7	Khá		
3	16011028	Vũ Thị Vân	Anh	24/12/2001	8.0	7.7	7.3	8.2	7.8	Khá		
4	16011031	Bùi Phương	Anh	01/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
5	16011020	Nguyễn Thị Hải	Ánh	10/01/2004	7.9	8.2	7.4	8.2	7.9	Khá		
6	16011031	Hứa Thị Ngọc	Ánh	07/07/2004	7.0	8.0	7.0	7.5	7.4	Khá		
7	16011026	Lò Thị Kim	Bình	28/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
8	16011031	Cử Thị Hồng	Chung	10/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
9	16011028	Nguyễn Thị	Diệu	26/01/2004	7.5	8.1	7.5	8.0	7.8	Khá		
10	16011021	Bùi Thái	Dương	04/11/2001	7.5	8.2	7.6	7.9	7.8	Khá		
11	16011020	Phan Tiến	Đạt	20/04/2004	7.9	7.4	7.5	8.0	7.7	Khá		
12	16011025	Hoàng Thị Thu	Hà	03/01/2004	0.0	0.0	1.5	0.0	0.4	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
13	16011028	Lê Thị	Hà	29/09/2004	7.4	7.7	7.1	8.0	7.5	Khá		
14	16011020	Võ Thị	Hậu	30/08/1998	7.4	7.6	7.0	7.5	7.4	Khá		
15	16011022	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	13/06/2004	7.8	8.1	7.8	8.0	7.9	Khá		
16	16011028	Nguyễn Thị	Hiền	28/11/2002	7.5	7.8	7.2	8.0	7.6	Khá		
17	16011039	Nguyễn Thị	Hiền	10/09/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)
18	16011026	Phan Thế	Huy	29/09/1999	3.7	8.5	4.6	2.8	5.1	Trung bình		3=75.0%(4:0)
19	16011024	Bùi Thị Khánh	Huyền	26/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)

				Số Đvht :				5	5	5	3		
				Số thứ tự :				(1)	(2)	(3)	(4)		
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	BC	TCQLD - PCD	DLLS	QLTT-ĐB CLT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)	
20	16011024	Nguyễn Mai	Hương	18/07/2004	7.6	<u>2.8</u>	7.5	8.0	6.3	T.bình khá		1=25.0%(2:0)	
21	16011026	Trần Thị Quỳnh	Hương	07/07/2004	<u>3.9</u>	<u>2.8</u>	6.8	7.5	5.0	Trung bình		2=50.0%(2:0)	
22	16011029	Đặng Trung	Kiên	15/10/1998	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
23	16011012	Lâm Ngọc	Linh	11/12/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
24	16011014	Lê Nguyễn Thùy	Linh	11/12/2004	7.5	8.0	7.2	8.0	7.6	Khá			
25	16011015	Nguyễn Phương	Linh	19/08/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
26	16011035	Nguyễn Quốc	Linh	05/10/2002	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
27	16011040	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/07/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
28	16011038	Nguyễn Thành	Long	23/06/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
29	16011026	Bùi Xuân	Mai	06/10/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
30	16011025	Lò Văn Tuấn	Mạnh	25/03/2003	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
31	16011029	Trần Phương	Nam	12/11/1997	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		4=100.0%(2:0)(4:0)	
32	16011029	Trần Thị Kiều	Nga	22/02/2002	7.8	7.8	7.7	8.0	7.8	Khá			
33	16011024	Trương Đại	Nghĩa	20/10/2004	7.4	7.4	7.3	7.9	7.5	Khá			

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 0 (0.0%), Khá: 14 (42.4%), T.bình khá: 1 (3.0%), Trung bình: 2 (6.1%), Yếu: 16 (48.5%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) BC: BẢO CHẾ

(2) TCQLD - PCD: TCQL DƯỠC VÀ PC DƯỠC (3) DLLS: DƯỠC LÝ LÂM SÀNG

(4) QLTT-ĐBCLT: QL TỒN TRỮ VÀ ĐBCLT